

Số: 406/QĐ-CĐSP

Cao Bằng, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh Khung kế hoạch đào tạo khoá 23 và
Đề cương chi tiết một số học phần ngành Giáo dục Mầm non năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CĐSP CAO BẰNG

Căn cứ Quyết định số 4018/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 02/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc nâng cấp Trường THSP Cao Bằng thành Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-CĐSP ngày 13/8/2021 của Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng về việc ban hành Chương trình đào tạo, Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (sửa đổi cập nhật);

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-CĐSP ngày 26/7/2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng về việc ban hành Đề cương chi tiết các học phần (điều chỉnh và bổ sung) hệ cao đẳng chính quy ngành Giáo dục Mầm non năm 2023;

Căn cứ Công văn số 360/CĐSP-ĐT&NCKH ngày 02/8/2024 của Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng về việc rà soát Khung kế hoạch đào tạo và Đề cương chi tiết học phần, Chương trình môn học các khoá 22, 23 hệ cao đẳng chính quy;

Căn cứ Tờ trình ngày 19/8/2024 của Khoa Giáo dục Mầm non về việc điều chỉnh khung kế hoạch đào tạo và đề chi tiết học phần trong chương trình đào tạo Giáo viên Mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Khung kế hoạch đào tạo khoá 23 và Đề cương chi tiết một số học phần Ngành Giáo dục Mầm non năm 2024 (danh mục Khung kế hoạch đào tạo và Đề cương chi tiết các học phần điều chỉnh, bổ sung đính kèm).

Điều 2. Khung kế hoạch đào tạo và Đề cương chi tiết các học phần này được sử dụng để phục vụ công tác đào tạo Giáo viên Mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy từ năm học 2024-2025.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Tổ TT và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo trường;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT&NCKH(DN).



Nguyễn Thị Vân Chi

DANH MỤC
Khung kế hoạch đào tạo, Đề cương chi tiết các học phần (điều chỉnh, bổ sung)
ngành Giáo dục Mầm non năm 2024



(Đính kèm Quyết định số 406/QĐ-CĐSP ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng)

I. Khung kế hoạch đào tạo điều chỉnh, bổ sung (khoá 23)

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung (khoá 23)

TT	Mã HP	Tên học phần	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Số tiết
1	TT5201	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	Chuyển từ phần kiến thức kỹ năng tự chọn về phần thay thế thi tốt nghiệp	35
2	TT5302	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non	Bổ sung môn thay thế thi tốt nghiệp	60
3	TC5203	Tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường mầm non	Bổ sung vào phần kiến thức kỹ năng tự chọn	35

(Án định danh mục trên gồm 03 học phần)

2. Khung Kế hoạch đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non khoá học 2023-2026 (K23) (điều chỉnh) (kèm theo)

(Thay thế Khung Kế hoạch đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non khoá học 2023-2026 ban hành theo Quyết định số 317/QĐ-CĐSP ngày 26/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Cao Bằng).

II. Đề cương chi tiết học phần điều chỉnh, bổ sung năm 2024

TT	Mã HP	Tên học phần	Lần điều chỉnh	Người phụ trách
1	TC5202	Các chuyên đề đổi mới trong giáo dục mầm non	3	Nông Thị Kim Hoàn
2	CN5304	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	Nguyễn Quỳnh Anh
3	TT5201	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	1	Vũ Thị Ngọc Bích
4	TT5302	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non	Biên soạn lần đầu	Nguyễn Quỳnh Anh

5	KTC5206	Tiếng Anh 1	3	Hứa Hạnh Duyên
6	KTC5207	Tiếng Anh 2	3	Hứa Hạnh Duyên
7	KTC5208	Tiếng Anh 3	3	Hứa Hạnh Duyên
8	CB5201	Tâm lý học đại cương	3	Nguyễn Thị Nụ
9	CN5302	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	Nguyễn Thị Nụ

(Ấn định danh mục trên gồm 09 học phần)



KHUNG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON (Điều chỉnh)

MÃ NGÀNH: 51140201

Áp dụng cho khóa học 2023 - 2026 (K23)

(Ban hành theo QĐ số 406/QĐ-CDSP, ngày 26/8/2024 của Hiệu trưởng Trường CDSP Cao Bằng)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	SỐ TIẾT		Cộng	HỌC KỲ					
				LT	TH TL TV		1	2	3	4	5	6
		1- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUNG										
1	KTC5201	Triết học Mác - Lê Nin	2	25	10	35	35					
2	KTC5202	Kinh tế chính trị Mác -Lê Nin	2	25	10	35		35				
3	KTC5203	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	25	10	35			35			
4	KTC5204	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	10	35				35		
5	KTC5205	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	25	10	35					35	
6	KTC5206	Tiếng Anh 1	2	15	30	45	45					
7	KTC5207	Tiếng Anh 2	2	15	30	45		45				
8	KTC5208	Tiếng Anh 3	2	15	30	45		45				
9	KTC5309	CN thông tin và Ứng dụng CN thông tin trong Giáo dục mầm non	3	15	60	75		75				
10	KTC5210	Pháp luật -Quản lý HC Nhà nước và QL ngành GD&ĐT	2	25	10	35						35
11	KTC5811	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8*	77	88	165				8*		
12	KTC5312	Giáo dục Thể chất	3*	5	80	85	85					
		2- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN										
13	CB5201	Tâm lý học đại cương	2	25	10	35	35					
14	CB5202	Giáo dục học đại cương	2	25	10	35	35					
15	CB5203	Toán cơ bản	2	25	10	35			35			
16	CB5304	Tiếng Việt, Văn học Thiếu nhi và đọc kể diễn cảm	3	30	30	60	60					
17	CB5205	Mỹ thuật	2	10	40	50	50					
18	CB5206	Âm nhạc cơ bản	2	15	30	45			45			
		3- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH										
19	CN5201	Đặc điểm giải phẫu SL trẻ em lứa tuổi MN	2	25	10	35	35					
20	CN5302	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	30	30	60		60				
21	CN5303	Giáo dục học mầm non	3	30	30	60		60				
22	CN5304	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN	3	30	30	60				60		
23	CN5205	Giao tiếp sư phạm mầm non	2	25	10	35			35			
24	CN5206	Múa và phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non	2	15	30	45			45			
		4- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ SP										
25	MN5201	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	15	30	45		45				
26	MN5202	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	30	45			45			
27	MN5203	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	30	45					45	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	SỐ TIẾT		Cộng	HỌC KỲ					
				LT	TH TL TV		1	2	3	4	5	6
28	MN5304	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	3	30	30	60			60			
29	MN5205	Phương pháp làm quen với văn học	2	15	30	45				45		
30	MN5306	Phương pháp làm quen với toán	3	30	30	60				60		
31	MN5307	PP khám phá khoa học về MTXQ	3	30	30	60					60	
32	MN5208	Phương pháp giáo dục thể chất	2	15	30	45					45	
33	MN5309	Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN	3	30	30	60				60		
34	MN5210	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	15	30	45					45	
35	MN5211	Giáo dục hoà nhập cho trẻ MN	2	15	30	45					45	
36	MN5312	Quản lý và đánh giá trong giáo dục mầm non	3	30	30	60					60	
		* Thực hành, Thực tập sư phạm										
37	MN5213	Thực hành sư phạm	2		60	60			2*			
38	MN5314	Thực tập sư phạm 2	3		90	90				3*		
39	MN5615	Thực tập sư phạm 3	6		180	180						6*
		5- KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN										
40	TC5201	Cơ sở văn hóa Việt Nam và văn hóa địa phương	2*	25*	10*	35*						
41	TC5202	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN	2	25	10	35						35
42	TC5203	Tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường Mầm non	2*	25*	10*	35*						
43	TC5204	PP NCKH GDMN và Nghiên cứu KHSPƯĐ trong GDMN	2	25	10	35					35	
44	TC5205	Giáo dục môi trường trong trường Mầm non	2*	25*	10*	35*						
		6- MÔN THAY THẾ THI TỐT NGHIỆP										
45	TT5201	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	2	25	10	35						35
46	TT5302	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ MN	3	30	30	60						60
		7- KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (KL5501)	5*									
		Cộng	98	937	1398	2335	380	365	300	260	370	165
		Số tuần học chính khoá					14	13	11	9	13	6
		Số tuần thi học kỳ					2	2	2	2	3	1
		GD quốc phòng - an ninh (tuần)								4		
		Thực hành sư phạm (tuần)							2			
		Thực tập sư phạm 2 (tuần)								4		
		Thực tập sư phạm 3 (tuần)										8
		Ôn và thi thay thế tốt nghiệp (tuần)										2
		Số tuần trong học kỳ và khoá học					16	15	15	19	16	17